

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NHƠN TRẠCH
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 143/2024/HS-ST
Ngày 25 – 6 - 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NHƠN TRẠCH, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Võ Hồng Đ

Bà Dương Thị Thúy H

- Thư ký phiên tòa: Bà Lưu Thị Thanh Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nhơn Trạch.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhơn Trạch tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hương Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 126/2024/TLST-HS ngày 10 tháng 5 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 155/2024/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 6 năm 2024 đối với bị cáo:

Phan Văn Đ, sinh năm 1998 tại tỉnh Ninh Thuận; nơi cư trú: khu phố E, thị trấn T, huyện N, tỉnh Ninh Thuận; chỗ ở hiện nay: sống lang thang; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: không biết chữ; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phan Thái S (chết) và bà Phan Thị T; gia đình bị cáo có 02 anh em, bị cáo là con thứ hai trong gia đình và chưa có vợ con.

Tiền án: Ngày 25/12/2020, bị Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Thuận xử phạt 18 tháng tù giam về tội “Trộm cắp tài sản” theo Bản án hình sự sơ thẩm số 45/2020/HS-ST và buộc Đ phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm. Ngày 01/6/2022, chấp hành xong án phạt tù và đã đóng án phí hình sự sơ thẩm.

Tiền sự: Không.

Nhân thân:

Ngày 10/5/2017, bị Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Thuận xử phạt 06 tháng tù treo về tội “Trộm cắp tài sản” theo Bản án hình sự sơ thẩm số 14/2017/HS-ST.

Ngày 29/8/2017, bị Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Thuận xử phạt 09 tháng tù giam về tội “Trộm cắp tài sản” theo Bản án hình sự sơ thẩm số 32/2017/HS-ST.

Sau đó, tại Bản án số 47/2017/HSPT ngày 28/11/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận xét xử phúc thẩm xử y án và tổng hợp Bản án số 14/2017/HS-ST ngày 10/5/2017 với Bản án số 32/2017/HS-ST ngày 29/8/2017 buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt là 15 tháng tù. Bị cáo đã chấp hành xong.

Bị cáo bị bắt giữ từ ngày 02/02/2024. Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện N (có mặt).

- Bị hại: Anh Nguyễn Văn M, sinh năm 1975 (có mặt)

Địa chỉ: Khu phố P, thị trấn H, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Chị Phan Thị N, sinh năm 1987 (có mặt)

Địa chỉ thường trú: Thôn T, xã C, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh

Nơi ở hiện nay: ấp X K, xã L, huyện L, tỉnh Đồng Nai;

2. Chị Nguyễn Mạnh H, sinh năm 1983 (vắng mặt)

Địa chỉ: Khu phố P, thị trấn H, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 08 giờ ngày 03/01/2024, Phan Văn Đ đến khu phố M, thị trấn H, huyện N, tỉnh Đồng Nai tìm tài sản để trộm cắp bán lấy tiền tiêu xài. Khi đi đến nhà anh Nguyễn Văn M, sinh năm 1975, Đ quan sát không có ai ở nhà nên chui qua hàng rào để vào bên trong, Đ mở cửa sổ tại phòng bếp nhà anh M lấy được 01 cây kéo sắt dài khoảng 20cm, Đ dùng kéo cắt cửa hông nhà ra rồi đi vào bên trong. Đ đến phòng ngủ lục lọi, tìm kiếm thì nhìn thấy túi sách trong tủ quần áo, Đ mở ra phát hiện có số tiền 50.000.000 đồng, Đ liền lấy số tiền trên và bỏ vào trong túi quần đang mặc rồi leo qua hàng rào ra bên ngoài. Sau khi trộm được số tiền trên, Đ đến tiệm điện thoại của anh Nguyễn Mạnh H, sinh năm 1993 mua 01 chiếc điện thoại di động Iphone X 256G với 3.500.000 đồng và cho chị Phan Thị N, sinh năm 1987 số tiền 4.200.000 đồng. Số tiền còn lại Đ tiêu xài hết.

Đến ngày 02/02/2024, Đ đến Công an thị trấn H đầu thú, Công an thị trấn H chuyển hồ sơ đến Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện N điều tra xử lý theo thẩm quyền.

Tang vật vụ án thu giữ gồm: 01 cái kéo sắt dài khoảng 20cm; 01 điện thoại di động Iphone X 256G và 4.200.000 đồng (đã trả lại cho anh M)

Tại bản cáo trạng số 140/CT.VKSNT ngày 09/5/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai truy tố Phan Văn Đ về tội “trộm cắp tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhơn Trạch trong phần tranh luận giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Phan Văn Đ về tội “trộm cắp tài sản” và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; Điều 38; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự, xử phạt Phan Văn Đ từ 03 năm đến 04 năm tù.

Xử lý vật chứng: Căn cứ vào các Điều 46, 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự đề nghị Tòa tuyên: Tịch thu tiêu hủy 01 cái kéo sắt dài khoảng 20 cm dùng vào việc phạm tội. Tịch thu sung công quỹ 01 điện thoại di động Iphone X 256G của Đ.

Về trách nhiệm dân sự: Anh Nguyễn Văn M không yêu cầu bị cáo Phan Văn Đ phải bồi thường số tiền trên nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Đối với Phan Thị N là người nhận được 4.200.000 đồng từ bị cáo Đ nhưng N không biết đây là tiền do trộm cắp mà có và N cũng đã giao nộp lại số tiền này cho Cơ quan công an giao lại cho bị hại M nên không xem xét trường hợp của N là đúng quy định.

Bị cáo Phan Văn Đ không có ý kiến gì đối với quyết định truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhơn Trạch.

Lời nói sau cùng của bị cáo: xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện N, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhơn Trạch, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và truy tố bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[1.2] Tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Nguyễn

Mạnh H vắng mặt tuy nhiên đã có lời khai đầy đủ trong hồ sơ, Hội đồng xét xử xét thấy việc vắng mặt của anh H tại phiên tòa không làm ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án, nên căn cứ Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về hành vi của bị cáo: Trước cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo Phan Văn Đ đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bị cáo phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cùng vật chứng được thu giữ và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Do đó, có đủ cơ sở xác định:

Vào lúc 08 giờ ngày 03/01/2024, tại khu phố M, thị trấn H, huyện N, tỉnh Đồng Nai, Phan Văn Đ đã có hành vi trộm cắp số tiền 50.000.000 đồng của anh Nguyễn Văn M. Sau khi trộm được số tiền trên, Đ đến tiệm điện thoại của anh Nguyễn Mạnh H, sinh năm 1993 mua 01 chiếc điện thoại di động Iphone X 256G với 3.500.000 đồng và cho chị Phan Thị N, sinh năm 1987 số tiền 4.200.000 đồng. Số tiền còn lại Đ tiêu xài hết. Đến ngày 02/02/2024, Đ đến Công an thị trấn H đầu thú về hành vi phạm tội của mình.

Hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác là số tiền 50.000.000 đồng của bị cáo Phan Văn Đ đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 như Cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhơn Trạch đã truy tố là đúng người, đúng tội và đúng quy định của pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo:

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không chỉ trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, mà còn gây mất trật tự trị an tại địa phương. Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được việc trộm cắp tài sản là vi phạm pháp luật, nhưng vì lợi ích cá nhân bị cáo vẫn cố tình thực hiện hành vi phạm tội. Bị cáo có nhân thân xấu và có tiền án cùng về tội “trộm cắp tài sản”, bị cáo chưa được xóa án tích nhưng vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội cho thấy bị cáo sau khi chấp hành hình phạt vẫn không chịu tu sửa bản thân để làm công dân có ích cho xã hội mà vẫn tiếp tục phạm tội. Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn với mức hình phạt nghiêm để cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhằm giáo dục, cải tạo bị cáo và phòng ngừa chung.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo tái phạm.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tự nguyện ra đầu thú, đây là các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Hội đồng xét xử sẽ xem xét cho bị cáo các tình tiết trên khi quyết định hình phạt.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Anh Nguyễn Văn M không yêu cầu bị cáo Phan Văn Đ phải bồi thường số tiền trên nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[7] Về xử lý vật chứng: Tịch thu tiêu hủy 01 cái kéo sắt dài khoảng 20cm dùng vào việc phạm tội. Tịch thu sung công quỹ 01 điện thoại di động Iphone X 256G của Đ là tài sản có được từ tiền trộm cắp tài sản.

[8] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhơn Trạch phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[9] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[10] Về những vấn đề khác:

Đối với Phan Thị N là người nhận được 4.200.000 đồng từ bị cáo Đ nhưng N không biết đây là tiền do trộm cắp mà có và N cũng đã giao nộp lại số tiền này cho Cơ quan công an giao lại cho bị hại M nên không xem xét là đúng quy định.

Tại phiên tòa, người bị hại có ý kiến xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt tù cho bị cáo do bị cáo là người không biết chữ nên nhận thức còn hạn chế và hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 173; Điều 38; Điều 47; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Phan Văn Đ phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Phan Văn Đ 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 02/02/2024.

3. Về các biện pháp tư pháp: Tịch thu tiêu hủy 01 cái kéo sắt dài khoảng 20cm dùng vào việc phạm tội. Tịch thu sung công quỹ 01 điện thoại di động Iphone X 256G của Đ là tài sản có được từ tiền trộm cắp tài sản. (vật chứng trên hiện đang được tạm giữ tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Nhơn Trạch theo biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 13/5/2024).

4. Về án phí: Bị cáo Phan Văn Đ phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà N có quyền làm đơn kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông H có quyền làm đơn kháng cáo bản án

trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Nhơn Trạch;
- Công an huyện Nhơn Trạch;
- Cơ quan Thi hành án hình sự;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Hằng

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Minh G – Lê Thị Kim XuyênLê Thị Hằng